

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS - ST

Ngày: 10 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; sinh ngày 02/11/1977 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh; sinh năm 1945 và bà Lại Thị Nh; sinh năm 1947; có vợ là: Phùng Thị Nh; sinh năm 1983; cả 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2019 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

2. Đỗ Văn B; sinh ngày 26/5/1992 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B; sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1969; có vợ là: Lê Hoàng V T; sinh năm 1996; cả 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 06/5/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lãnh số: 15 ngày 06/5/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 13/3/1989 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trần Thị Y; sinh năm 1967; tiền n, tiền sù: Không; bị bắt tạm giữ tổ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26 ngày 02/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

4. Phạm Văn C; sinh ngày 08/5/1990 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C; sinh năm 1968 và bà Đặng Thị S; sinh năm 1968; tiền n, tiền sù: Không; bị bắt tạm giữ tổ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 24 ngày 02/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

5. Nguyễn Văn L; sinh ngày 24/4/1982 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 8, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R; sinh năm 1948 và bà Bùi Thị M; sinh năm 1949; có vợ là: Bùi Thị N; sinh năm 1988; cả 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008; tiền n, tiền sù: Không; bị bắt tạm giữ tổ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 25 ngày 02/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

6. Nguyễn Văn D; sinh năm 1979 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh; sinh năm 1945 và bà Lại Thị Nh; sinh năm 1947; có vợ là: Nguyễn Thị L; sinh năm 1984; cả 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền n, tiền sù: Không; bị bắt tạm giữ tổ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 27 ngày 02/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

7. Phạm Văn T; sinh ngày 08/02/1984 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1959; có vợ là: Phạm Thị H; sinh năm 1988; cả 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; tiền n, tiền sù: Không; bị bắt tạm giữ tổ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019, hiện đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 28 ngày 02/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy. Có mặt.

8. Đỗ Văn K; sinh ngày 08/9/1985 tại xã B, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 7, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:

4/12; d©n t c: Kinh; gi i t nh: Nam; t n gi o: Không; qu c t ch: Vi t Nam; con  ng Đ  V n C; sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1959; c  v r  : Phạm Thị N; sinh năm 1988; c  03 con, l n nh t sinh năm 2011, nh  nh t sinh năm 2016; ti n  n, ti n s : Kh ng; bị b t t m gi  t  nguy 25/3/2019  n ngày 02/4/2019, hi n  ng t i ngo i t i  i ph ng theo L nh c m  i kh i n i cư trú s : 29 ngày 02/4/2019 của C  quan CS T C ng an huy n Giao Th y. C  m t.

9.  ng V n T; sinh ngày 26/3/1973 t i x  B, huy n G, t nh N; n i cư trú: X m 10, x  B, huy n G, t nh N; ngh  nghi p: Làm ru ng; tr nh    học v n: 9/12; d©n t c: Kinh; gi i t nh: Nam; t n gi o: Không; qu c t ch: Vi t Nam; con  ng  ng V n M (   ch t) và bà Trần Thị Q; sinh năm 1939; c  v r  : Phạm Thị M, sinh năm 1974; c  02 con, l n sinh năm 2001, nh  sinh năm 2011; ti n  n, ti n s : Kh ng; bị b t t m gi  t  nguy 25/3/2019  n ngày 02/4/2019, hi n  ng t i ngo i t i  i ph ng theo L nh c m  i kh i n i cư trú s : 30 ngày 02/4/2019 của C  quan CS T C ng an huy n Giao Th y. C  m t.

10. Nguyễn V n T; sinh ngày 21/7/1992 t i x  B, huy n G, t nh N; n i cư trú: X m 8 x  B, huy n G, t nh N; ngh  nghi p: Lao  ng t y do; tr nh    học v n: 9/12; d©n t c: Kinh; gi i t nh: Nam; t n gi o: Không; qu c t ch: Vi t Nam; con  ng Nguyễn V n C; sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị R; sinh năm 1974; c  v r  : V  Thị H; sinh năm 1996; ti n  n, ti n s : Kh ng; bị b t t m gi  t  nguy 25/3/2019  n ngày 02/4/2019, hi n  ng t i ngo i t i  i ph ng theo L nh c m  i kh i n i cư trú s : 31 ngày 02/4/2019 của C  quan CS T C ng an huy n Giao Th y. C  m t.

- *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn V n Tr; sinh năm 1987; n i cư trú: X m 10, x  B, huy n G, t nh N. V ng m t.

-  ng Nguyễn V n H1; sinh năm 1967; n i cư trú: X m 10, x  B, huy n G, t nh N. V ng m t.

- Anh Nguyễn V n H2; sinh năm 1970; n i cư trú: X m 10, x  B, huy n G, t nh N. V ng m t.

N I DUNG VỤ  N:

Theo c c t i li u c  trong h  sơ vụ  n và  i n bi n t i phiên t a, n i dung vụ  n  ược t m tắt nh  sau:

Kho ng 14 giờ ngày 24/3/2019, sau khi  n c    m cưới t i nh  anh Nguyễn V A, Nguyễn V n T sang nh  anh Nguyễn V M    dọn  p (v  anh A nh  T mắc r p làm c  t i nh  anh M). Khi sang nh  anh M, T thấy trong gian b p c  nhi u người (nh ng không nh r   c  nh ng ai)  ng  ng v  ng i quanh chi c chi u tr i gi ra gian b p chuẩn bị   nh bạc. Gi ra chi u c  01 bộ b t  i  s r, 04 qu n bài v  hình tr n. C ng l c    c  người b o T: “ ng không chơi,  ng v o s c c i cho m i người chơi”. T nh t tr i v o x c c i v  c ng tham gia   t c    n ti n v i m i người (T không nh r c  nh ng ai c ng tham gia chơi), v i m c   t c   th p nh t  

50.000 đồng, cao nhất không hạn chế. Sau đó, Đặng Văn T, Phạm Văn C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L đến cùng tham gia. Đến khoảng 14 giờ 25 phút cùng ngày, Nguyễn Văn Đ đang ở nhà, nghe thấy ở nhà anh M có đánh bạc nên điện thoại cho Đỗ Văn B, rủ B và cùng nhau đến nhà anh M tham gia đánh bạc. Sau đó, các đối tượng Đỗ Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tr đến nhưng chỉ có Tr là không tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị tổ tuần tra Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang, một số đối tượng bỏ chạy. Thu giữ tại chiếu bạc 20.600.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị, 01 chiếu cỏi; thu trên người các đối tượng 67.610.000 đồng, 11 điện thoại di động.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận hành vi đánh bạc ăn tiền của mình như trên và xác định: Nguyễn Văn T là người xóc cái, có 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc; Đỗ Văn B mang theo 45.000.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền 40.000.000 đồng thu giữ trên người, B khai nếu ai có nhu cầu vay thì sẽ cho vay; Phạm Văn C mang theo 1.010.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 710.000 đồng; Nguyễn Văn L mang theo 7.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 6.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ mang theo 12.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền 10.000.000 đồng còn lại nếu ai có nhu cầu vay thì sẽ cho vay, khi bị bắt thu trên người 11.800.000 đồng; Nguyễn Văn D mang theo 1.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 450.000 đồng; Phạm Văn T mang theo 300.000 đồng để đánh bạc; Đỗ Văn K mang theo 500.000 đồng để đánh bạc; Đặng Văn T mang theo 3.500.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu trên người 3.550.000 đồng; Nguyễn Văn T mang theo 3.500.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã bỏ hết xuống chiếu bạc.

Cáo trạng số 52/CTR ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn B, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T và Nguyễn Văn T về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu trên, đồng thời tỏ rõ sự ăn năn hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn hình phạt bổ sung.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn B từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Đặng Văn T mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt tiền các bị cáo Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo: Nguyễn Văn T, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T và Nguyễn Văn T.

Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 24.200.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động của Đ và B đã sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài vị.

- Trả lại bị cáo Đỗ Văn B 40.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 24/3/2019, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn B, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng

Văn T, Nguyễn Văn T và một số đối tượng cùng nhau tụ tập tại nhà anh Nguyễn V M đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” ăn tiền. T là người xóc cái cho các đối tượng cùng chơi. Các đối tượng tham gia đánh bạc đến 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng tuần tra Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiều bạc 20.600.000 đồng, thu trên người các đối tượng 3.600.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị, 01 chiếu cói. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn B, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T, Nguyễn Văn T về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, trật tự xã hội. Cờ bạc là tệ nạn của xã hội, các bị cáo đều xác định được đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi của mình, sát phạt nhau để thu lời bất chính. Do vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét về vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải, có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng đi đám cưới rồi tụ tập đánh bạc vì vậy phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Trong suốt quá trình các bị cáo đánh bạc, bị cáo T là người xóc cái và cùng đánh bạc với các bị cáo khác nên giữ vai trò đầu; bị cáo Đ và B tham gia tích cực, sử dụng số tiền lớn để đánh bạc nên xếp vai trò thứ hai; các bị cáo C, L, D, T cùng tham gia đánh bạc từ đầu xếp vai trò thứ 3; các bị cáo T, K, T tham gia đánh bạc sau với số tiền ít vì vậy xếp vai trò cuối.

Qua xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo T bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo B, Đ, C, L, D, T đều có nơi cư trú rõ ràng, tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, tuy nhiên chưa cần thiết phải

cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và phù hợp với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đối với các bị cáo K, T, T đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét thấy chưa cần thiết phải xử lý các bị cáo này bằng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tu dưỡng trong cộng đồng, điều đó vừa phát huy được tính phòng ngừa chung cũng như thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo K, T, T không có công việc ổn định vì vậy miễn việc khấu trừ thu nhập sung công quỹ nhà nước cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T và Nguyễn Văn T điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, C, L, D, T, K, T và T. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 24.200.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng), gồm: 20.600.000 đồng thu tại chiếu bạc và 3.600.000 đồng thu trên người các đối tượng (thu của Đ 1.800.000 đồng; T 550.000 đồng; C 700.000 đồng; D 450.000 đồng; L 100.000 đồng) và 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo (Đ và B) đã sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị đã thu giữ.

- Đối với 09 chiếc điện thoại di động và 64.010.000 đồng thu trên người các đối tượng. Quá trình điều tra xác định đây là những tài sản không liên quan đến hành vi đánh bạc nên đã trả lại cho các đối tượng 14.010.000 đồng và 09 chiếc điện thoại là phù hợp. Số tiền 50.000.000 đồng còn lại thu giữ trên người của B và Đ hiện đang lưu tại cơ quan thi hành án, nay trả lại cho B 40.000.000 đồng; trả lại cho Đ 10.000.000 đồng.

[7] Các đối tượng đánh bạc tại nhà anh Nguyễn V M nhưng anh M đi vắng không biết nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Tr, chỉ đứng xem đánh bạc, không tham gia chơi nên cũng không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với số đối tượng bỏ chạy khi Công an tới bắt quả tang, quá trình điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy tách ra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Đặng Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn B 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 06/5/2019*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 10 tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*).

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (*bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*).

Giao các bị cáo Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Đặng Văn T cho UBND xã B, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành

án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày đã bị tạm giữ (*từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*) là 09 ngày, quy đổi $03 \times 9 = 27$ ngày; Phạm Văn T còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn K 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày đã bị tạm giữ (*từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*) là 09 ngày, quy đổi $03 \times 9 = 27$ ngày; Đỗ Văn K còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày đã bị tạm giữ (*từ ngày 25/3/2019 đến ngày 02/4/2019*) là 09 ngày, quy đổi $03 \times 9 = 27$ ngày; Nguyễn Văn T còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày UBND xã nơi cư trú được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Văn K và Nguyễn Văn T.

Giao các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Phạt tiền đối với Đỗ Văn B là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 24.200.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) và 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị đã thu giữ.

- Trả lại cho Đỗ Văn B 40.000.0000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn B, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Đỗ Văn K, Đặng Văn T, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các bị cáo;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Thu Hiền